TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 02 - 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bạch Linh

2. Ông Nguyễn Phát Triển

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nhựt Hồ - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thu Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 251/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 và định hoãn phiên toà số: 21/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thúy A, sinh năm 2000; Địa chỉ: số nhà B, ấp K, xã T, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Võ Thanh P, sinh năm 1996; Địa chỉ: số nhà D, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và trình bày ý kiến đề ngày 08/10/2025, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 12/02/2026 và trong biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2025

nguyên đơn Lê Thị Thúy A trình bày: Chị A và anh P quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau năm 2016, đến năm 2019 thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 22/8/2019. Sau kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên quá trình sống chung thì anh P không lo làm ăn để lo cho gia đình mà thường xuyên cờ bạc làm cho cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị A đã nhiều lần khuyên can nhưng anh P không thay đổi, tình cảm vợ chồng hiện nay không thể hàn gắn lại được nên vợ chồng đã xa nhau và ly thân đầu năm 2025 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị Lê Thị Thúy A yêu cầu được ly hôn anh Võ Thanh P. Quá trình sống chung thì chị A và anh P có 01 con chung tên Võ Phước G, sinh ngày 05/12/2016 hiện cháu G đang sống với anh P. Trong quá trình giải quyết vụ án thì anh P bị Toà án nhân dân khu vực 7 - Đồng Tháp ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 13 tháng nên chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu G, chị A không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, nợ chung chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong biên bản ghi lời khai ngày 11/02/2026 bị đơn Võ Thanh P trình bày: Về thời gian kết hôn, ly thân giữa vợ chồng như chị A đã trình bày. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng là do năm 2023 anh P đi chấp hành án, đến đầu năm 2024 anh P về địa phương thì chị A đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Vì còn thương vợ nên anh P không đồng ý ly hôn với chị A. Quá trình sống chung thì anh P và chị A có 01 con chung tên Võ Phước G, sinh ngày 05/12/2016, trường hợp Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A thì anh P yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu G, anh P không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, nợ chung không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị dơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, cho chị Lê Thị Thúy A được ly hôn với anh Võ Thanh P; Về con chung: Do anh P hiện đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 13 tháng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về việc yêu cầu nuôi con chung của chị A và giao cháu Võ Phước G, sinh ngày 05/12/2016 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chị A không yêu cầu anh P cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản, nợ chung: Chị A, anh P không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Thúy A yêu cầu được ly hôn với anh Võ Thanh P, yêu cầu được nuôi con chung tên Võ Phước G, sinh ngày 05/12/2016, chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ngoài ra không có yêu cầu gì khác nên quan hệ pháp luật được xác định là hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Bị đơn Võ Thanh P có địa chỉ thường trú tại xã T, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tụng dân sự. Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Võ Thanh P đến phiên toà lần thứ hai và anh Võ Thanh P có ý kiến xin vắng mặt tại phiên toà. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh P.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thúy A và anh Võ Thanh P kết hôn với nhau vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 22/8/2019 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh P là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Chị A trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P không làm ăn để lo cho gia đình mà thường xuyên cờ bạc làm cho cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tình cảm vợ chồng thật sự không còn hợp nhau nên vợ chồng đã xa nhau, ly thân từ đầu năm 2025 đến nay. Xét

thấy, tình cảm của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lê Thị Thúy A yêu cầu được ly hôn với anh Võ Thanh P. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Võ Thanh P cho rằng vì còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn với chị A nhưng từ khi vợ chồng xa nhau đến nay, anh P cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị A và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật nhân và ia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thúy A đối với anh Võ Thanh P.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị Thúy A và anh Võ Thanh P có 01 con chung tên Võ Phước G, sinh ngày 05/12/2016 hiện nay đang do anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, anh P hiện đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 13 tháng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về việc yêu cầu nuôi con chung của chị A và giao cháu Võ Phước G, sinh ngày 05/12/2016 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Thúy A và anh Võ Thanh P không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Chị A và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung của vợ chồng chị A và anh P trong vụ kiện này.

[2.5] Về nợ chung: Chị A và Anh P trình bày vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Thúy A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

[4] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở, nên được xem xét chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Thúy A và anh Võ Thanh P được quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật nhân và đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Q quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thúy A. Cho chị Lê Thị Thúy A được ly hôn với anh Võ Thanh P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Phước G, sinh ngày 05/12/2016 (hiện do anh P đang nuôi dưỡng) cho chị Lê Thị Thúy A được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Thúy A phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005339 ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Thúy A có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Võ Thanh P vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSNDKV 7 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã T, tỉnh Đồng Tháp (CNKH số 67 ngày 22/8/2019) (biết);
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Nhựt Minh